CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 13 ngày 02/01/2018.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 02 chi nhánh, 01 công ty con và 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	Các đơn vị phụ thuộc	
-	*Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Sài Gòn)*	*M003B Cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh*
-	*Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Đà Nẵng)*	*Tầng 3, Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*
	Công ty con	
-	*Công ty PT CLEVER ADS*	*Tầng 10 khu biệt thự 1B Jakarta – Thành phố Thamrin, Đại lộ, Thamrin, Jakarta Pusat 10340*
	Công ty liên kết	
-	*Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo thông minh*	*Tòa nhà 46 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội*

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 -845, CPC 849);*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*

Công ty có trụ sở chính tại số nhà 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Dư Khắc Châu	Uỷ viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Uỷ viên Hội đồng quản trị

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc
- Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
- Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Sài Gòn
- Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc

M.S.D.N: 0102... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH Q. THANH XUÂN - TP. HÀ

NGUYỄN KHÁNH TRÌNH

Giám đốc

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Phòng 902,Tầng 9, Cao ốc Văn phòng VG Building
Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

T +84 (4) 7 306 1268
F +84 (4) 7 306 1269
E mienbac@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 96/2018/BCKT - CPAMB

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh, được lập ngày 12/03/2018 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM –
CHI NHÁNH MIỀN BẮC

M.S.C.N - 0101... CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM CHI NHÁNH MIỀN BẮC ... THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	**NGUYỄN QUỲNH TRANG**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2018-137-1

An independent member firm of MOORE STEPHENS INTERNATIONAL LIMITED

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**89.543.734.377**	**46.247.386.397**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**22.355.246.776**	**10.945.699.435**
1. Tiền	111		22.355.246.776	10.945.699.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**34.400.000.000**	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.6.1	34.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**31.586.000.029**	**35.202.074.008**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.1	24.522.694.929	34.128.462.664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.1	77.556.100	1.070.392.788
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.2	2.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	4.985.749.000	3.218.556
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.7	**1.131.353.025**	-
1. Hàng tồn kho	141		1.131.353.025	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**71.134.547**	**99.612.954**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	56.635.175	99.612.954
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.499.372	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**22.880.386.563**	**5.795.672.728**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**3.997.559.054**	**3.938.271.060**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.997.559.054	3.938.271.060
- Nguyên giá	*222*		*8.079.543.363*	*7.179.470.636*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(4.081.984.309)*	*(3.241.199.576)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.5	**8.130.386.445**	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.130.386.445	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**10.196.873.286**	**1.483.535.502**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6.2	1.747.388.216	1.756.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.6.2	(281.696.930)	(272.464.498)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.6.1	8.731.182.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**555.567.778**	**373.866.166**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	555.567.778	373.866.166
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**112.424.120.940**	**52.043.059.125**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**53.958.990.763**	**43.939.188.664**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**53.958.990.763**	**43.939.188.664**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.1	42.576.823.921	961.781.012
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.1	2.429.911.837	1.183.505.943
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	6.740.652.196	8.653.028.119
4. Phải trả người lao động	314		43.129.147	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	2.168.473.662	5.667.203.590
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	27.473.670.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**58.465.130.177**	**8.103.870.461**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**58.465.130.177**	**8.103.870.461**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	35.345.600.000	5.599.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*35.345.600.000*	*5.599.990.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.15	(2.033.974.217)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	24.662.678.697	2.503.880.461
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*8.762.695.933*	*(2.045.876.812)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*15.899.982.764*	*4.549.757.273*
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.17	490.825.697	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**112.424.120.940**	**52.043.059.125**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN KHÁNH TRÌNH
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	246.545.424.510	212.041.385.750
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	VI.18	**246.545.424.510**	**212.041.385.750**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	205.770.239.515	192.313.035.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**40.775.184.995**	**19.728.349.872**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	1.403.511.941	240.787.821
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	9.232.433	471.861.402
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.611.784)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.22	13.466.240.518	6.496.369.250
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.22	8.111.105.281	6.162.213.358
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**20.583.506.921**	**6.838.693.683**
12. Thu nhập khác	31	VI.24	2.814.952	141.134.506
13. Chi phí khác	32	VI.24	162.879.252	1.131.240.596
14. Lợi nhuận khác	**40**		**(160.064.300)**	**(990.106.090)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**20.423.442.621**	**5.848.587.593**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23.1	4.538.430.501	1.298.830.320
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**15.885.012.120**	**4.549.757.273**
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.899.982.764	4.549.757.273
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		(14.970.643)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	4.906	8.125
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.906	8.125

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN KHÁNH TRÌNH
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH
Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**20.423.442.621**	**5.848.587.593**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	840.784.733	1.215.222.693
- Các khoản dự phòng	03	9.232.432	272.464.498
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(480.724.195)	(2.551.895)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(950.302.522)	406.509.594
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**19.842.433.069**	**7.740.232.483**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.128.029.249	2.001.281.635
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.727.514.468	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.424.831.942	5.551.110.732
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	80.267.474	2.728.007.887
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.290.554.715)	(256.527.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**66.912.521.488**	**17.764.104.894**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.030.459.172)	(687.952.727)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	27.272.727
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.131.182.000)	-
4.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(940.000.000)
5.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.592.145	7.925.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(52.106.049.027)**	**(1.592.754.775)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.Tiền thu từ đi vay	33	-	111.116.000.000
3.Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.394.730.000)	(119.726.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(3.394.730.000)**	**(8.610.000.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**	**11.411.742.461**	**7.561.350.119**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	10.945.699.436	3.381.797.421
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.195.121)	2.551.895
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**22.355.246.776**	**10.945.699.436**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN KHÁNH TRÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 13 ngày 02/01/2018.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 02 chi nhánh, 01 công ty con và 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	Các đơn vị phụ thuộc	
-	*Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Sài Gòn)*	*M003B Cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh*
-	*Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Đà Nẵng)*	*Tầng 3, Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*
	Công ty con	
-	*Công ty PT CLEVER ADS*	*Tầng 10 khu biệt thự 1B Jakarta – Thành phố Thamrin, Đại lộ, Thamrin, Jakarta Pusat 10340*
	Công ty liên kết	
-	*Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo thông minh*	*Tòa nhà 46 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Cổng thông tin (trừ loại Nhà nước cấm);*
- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);*
- *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải).*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ đã được kiểm toán.

Công ty có trụ sở tại số nhà 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 132 người, trong đó cán bộ quản lý là 14 người. (Tại thời điểm 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 87 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

+ *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch*:

  Tỷ giá được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, các khoản trả trước cho người bán, các khoản phải trả là tỷ giá quy đổi do Google Ireland Ltd và Face Book Ireland Limited thông báo.

+ *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh*:

  Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: các khoản phải trả, khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được dịch vụ.

+ *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động*:

  Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2017. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2017.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	*Khung khấu hao*
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị quản lý	03 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đầu tư công trình tại nhà Long Khánh 04 – Song Lập 40 – Vinhomes Thăng Long. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ trong thời gian 12 tháng và chi phí quảng cáo được phân bổ khi ghi nhận doanh thu tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc cung cấp dịch vụ quảng cáo. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ cung cấp hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã phát sinh trong kỳ.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng *(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...);* bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bộ phận bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (Tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, cháy nổ, tiếp khách, mua vé máy bay...*); chi phí bằng tiền khác (*CF mua đồ dùng văn phòng, hội nghị khách hàng...*).

Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. *Tiền và các khoản tương đương tiền*

		31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	(i)	3.370.695.594	505.304.506
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	18.984.551.182	10.440.394.929
Tiền đang chuyển		-	-
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		**22.355.246.776**	**10.945.699.435**

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2017 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	
+ Công ty cổ phần quảng cáo Thông Minh	*2.000.944.591*
+ Công ty PT CLEVER ADS	*1.369.751.003*
Cộng	**3.370.695.594**

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm:

	VND
+ Công ty cổ phần quảng cáo Thông Minh	*18.084.333.197*
+ Công ty PT CLEVER ADS	*900.217.985*
Cộng	**18.984.551.182**

2. *Phải thu khách hàng*

2.1 *Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty cổ phần Trò chơi VEGA	514.418.724	3.675.969.708
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	2.979.872.453	2.512.180.000
Công ty TNHH Thiết bị Chăm sóc y tế Đại Gia Đình Phương Đông	-	2.326.280.000
Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	-	3.824.150.000
CN Công ty TNHH NN MTV Thương mại và XNK VIETTEL – Trung tâm bán lẻ	2.241.857.452	530.277.327
Công ty CP Thương mại và truyền thông Thời đại	1.311.200.000	128.260.000
Công ty CP Giải trí và thể thao điện tử Việt Nam	4.556.849.063	-
Công ty cổ phần FOODY	2.130.720.342	-
Công ty cổ phần Bạch Minh	425.582.854	638.493.009
Công ty TNHH Grab Taxi	943.465.742	1.646.979.736
Các khách hàng còn lại	9.418.728.299	18.845.872.884
Cộng	**24.522.694.929**	**34.128.462.664**

2.2 *Phải thu khách hàng với các bên có liên quan*

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

3. *Trả trước cho người bán*

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công TNHH Dịch vụ và du lịch VIETSENSE	12.100.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	60.000.000	-
Công ty cổ phần Kho ứng dụng Thông Minh	-	391.500.900
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo Thông Minh	-	484.305.190
Công ty cổ phần SKYTUBE	-	145.291.900
Các nhà cung cấp còn lại	5.456.100	49.294.798
Cộng	**77.556.100**	**1.070.392.788**

3.2 Trả trước cho người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại mục VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.

4. *Các khoản phải thu khác*

4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu BHXH của người lao động	-	1.598.556
Phải thu về thuế TNCN	-	1.620.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và tiền cho vay	119.038.888	-
Lãi dự thu Trái phiếu có kỳ hạn	775.671.489	-
Phải thu thuế GTGT nhà thầu	1.511.038.623	-
Phải thu khác của Công ty PT CLEVER ADS	2.557.500.000	-
Ký quỹ	22.500.000	-
Cộng	**4.985.749.000**	**3.218.556**

4.2 Phải thu về cho vay

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty cổ phần tập đoàn quản lý tài sản Trí Việt	2.000.000.000	-
Cộng	**2.000.000.000**	**-**

(*): Đây là khoản phải thu cho vay theo hợp đồng vay vốn số 2350.24112017/HĐVV-TVC ngày 24/11/2017 với thời hạn 3 tháng và lãi suất 10,10%/năm.

4.3 Phải thu khác với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

5. *Tài sản dở dang dài hạn*

5.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
+ CF đầu tư công trình tại Vinhomes Thăng Long	*8.130.386.445*	-
+ Các công trình khác	-	-
Cộng	**8.130.386.445**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. *Các khoản đầu tư tài chính*

6.1 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	31/12/2017		01/01/2017		
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn					
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	-
- Trái phiếu	29.200.000.000	29.200.000.000	-	-	-
+ Trái phiếu công ty ATAKA	*13.300.000.000*	*13.300.000.000*	-	-	-
+ Trái phiếu công ty AZURA	*3.500.000.000*	*3.500.000.000*	-	-	-
+ Trái phiếu công ty HABUKA	*3.400.000.000*	*3.400.000.000*	-	-	-
+ Trái phiếu công ty YAMAGATA	*9.000.000.000*	*9.000.000.000*	-	-	-
Cộng	**34.400.000.000**	**34.400.000.000**	-	-	-
Dài hạn					
- Trái phiếu	8.731.182.000	8.731.182.000	-	-	-
+ Trái phiếu công ty VNDIRECT	*8.731.182.000*	*8.731.182.000*	-	-	-
Cộng	**8.731.182.000**	**8.731.182.000**	-	-	-

(*): Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6,5%/năm tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 22/08/2017 với số tiền 4.000.000.000 đồng và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 21/12/2017 với số tiền 1.200.000.000 đồng.

(**): Đây là các khoản Trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 6 tháng (đối với Trái phiếu ngắn hạn) và có kỳ hạn 24 tháng (đối với Trái phiếu dài hạn) theo lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng mua bán Trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.747.388.216	-281.696.930	1.465.691.286	1.756.000.000	-272.464.498	1.483.535.502
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	**1.747.388.216**	**-281.696.930**	**1.465.691.286**	**1.756.000.000**	**-272.464.498**	**1.483.535.502**

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập.

6.2.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	*Lĩnh vực kinh doanh*	31/12/2017			01/01/2017		
		Số lượng cổ phiếu	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị*	*Số lượng cổ phiếu*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị*
Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh (*)	*Quảng cáo trên điện thoại di động*	*175.600*	*40%*	*1.747.388.216*	*175.600*	*40%*	*1.756.000.000*
Cộng				**1.747.388.216**			**1.756.000.000**

(*): Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tỷ lệ góp vốn vào Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

7. *Hàng tồn kho*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	1.131.353.025	1.131.353.025	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	**1.131.353.025**	**1.131.353.025**	**-**	**-**

8. *Chi phí trả trước*

8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.002.272	681.136
- Chi phí dịch vụ quảng cáo	-	98.931.818
- Chi phí thuê máy chủ	33.832.903	-
- Chi phí thuê văn phòng	20.000.000	-
- Phí sử dụng đường bộ	1.800.000	-
Cộng	**56.635.175**	**99.612.954**

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	512.506.124	373.866.166
- Chi phí sửa chữa văn phòng	41.250.000	-
- Phí sử dụng đường bộ	1.811.655	-
Cộng	**555.567.778**	**373.866.166**

9. *Phải trả người bán*

9.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty TNHH Xích Đạo Đôi	66.469.315	66.469.315	-	-
Công ty cổ phần VNG	92.482.500	92.482.500	-	-
Công ty CP SKYTUBE	292.900.390	292.900.390	24.445.000	24.445.000
Công ty Face book Ireland	21.787.867.803	21.787.867.803	-	-
Công ty Google Ireland	20.103.563.006	20.103.563.006	439.918.388	439.918.388
Công ty CP Sói biển trung thực	148.016.930	148.016.930	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	85.523.977	85.523.977	497.417.624	497.417.624
Cộng	**42.576.823.921**	**42.576.823.921**	**961.781.012**	**961.781.012**

9.2 Các khoản phải trả người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, trang thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị dụng cụ quản lý*	*TSCĐ hữu hình khác*	*Tổng cộng*
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	-	-	6.882.422.636	297.048.000	-	7.179.470.636
Mua trong năm	-	-	900.072.727	-	-	900.072.727
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (do hợp nhất công ty con)	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	**-**	**-**	**7.782.495.363**	**297.048.000**	**-**	**8.079.543.363**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	-	-	3.071.363.414	169.836.162	-	3.241.199.576
Khấu hao trong năm	-	-	759.539.673	81.245.060	-	840.784.733
Tăng khác (do hợp nhất công ty con)	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	**-**	**-**	**3.830.903.087**	**251.081.222**	**-**	**4.081.984.309**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	-	-	3.811.059.222	127.211.838	-	3.938.271.060
Tại ngày 31/12/2017	**-**	**-**	**3.951.592.276**	**45.966.778**	**-**	**3.997.559.054**

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng *1.209.879.000* *đồng*

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: - *đồng*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

11. *Người mua trả tiền trước*

11.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty CP Dịch vụ truyền thông đa phương tiện Việt Nam	-	-	42.768.000	42.768.000
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	-	-	104.280.000	104.280.000
Công ty TNHH ELMICH Việt Nam	-	-	184.701.660	184.701.660
Ngân hàng liên doanh Việt Nga	-	-	140.800.000	140.800.000
Công ty TNHH TM, DV và đào tạo Anh Vũ	105.600.000	105.600.000	-	-
Công ty sản xuất thép ÚC SSE	105.939.900	105.939.900	-	-
Công ty TNHH Mỹ Phẩm MIRA	132.000.000	132.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	105.600.000	105.600.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc dân	122.182.500	122.182.500	8.291.250	8.291.250
Các đối tượng khác	1.858.589.437	1.858.589.437	702.665.033	702.665.033
Cộng	**2.429.911.837**	**2.429.911.837**	**1.183.505.943**	**1.183.505.943**

11.2 Người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

12. *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

12.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	7.477.596.605	16.102.719.433	(21.428.854.503)	2.151.461.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.143.830.320	4.538.430.501	(3.290.554.715)	2.391.706.106
Thuế thu nhập cá nhân	31.601.194	701.945.772	(514.393.836)	219.153.130
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	1.978.331.425	-	1.978.331.425
Cộng	**8.653.028.119**	**23.321.427.131**	**-25.233.803.054**	**6.740.652.196**

13. *Phải trả khác*

13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
- Kinh phí công đoàn	94.944.118	94.944.118	-	-
- Bảo hiểm xã hội	65.087.590	65.087.590	533.590	533.590
- Bảo hiểm y tế	11.486.045	11.486.045	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.110.909	5.110.909	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.991.845.000	1.991.845.000	5.666.670.000	5.666.670.000
+ Phải trả CyberAgent Ventures Inc	-	-	*5.666.670.000*	*5.666.670.000*
+ Phải trả ông Nguyễn Khánh Trình	*1.965.125.000*	*1.965.125.000*	-	-
+ Phải trả khác	*26.720.000*	*26.720.000*	-	-
Cộng	**2.168.473.662**	**2.168.473.662**	**5.667.203.590**	**5.667.203.590**

13.2 Phải trả khác với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

14. *Vay và nợ thuê tài chính*

14.1 Các khoản vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	27.473.670.000	27.473.670.000	-	(27.473.670.000)	-	-
+ Vay ông Nguyễn Khánh Trình	*25.973.670.000*	*25.973.670.000*	-	*(25.973.670.000)*	-	-
+ Vay ông Dư Khắc Châu	*1.500.000.000*	*1.500.000.000*	-	*(1.500.000.000)*	-	-
Cộng	**27.473.670.000**	**27.473.670.000**	-	**(27.473.670.000)**	-	-

15. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*	*Chênh lệch tỷ giá*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm trước	5.599.990.000	-	-	-	-	(2.045.876.812)	3.554.113.188
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	4.549.757.273	4.549.757.273
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	2.551.895	-	-	2.551.895
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(2.551.895)	-	-	(2.551.895)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	**5.599.990.000**	-	-	-	-	**2.503.880.461**	**8.103.870.461**
Tăng vốn trong năm nay	29.745.610.000	-	-	-	-	-	29.745.610.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	15.899.982.764	15.899.982.764
Tăng khác	-	-	490.825.697	-	-	6.258.815.472	6.749.641.169
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.529.171.036)	-	-	(2.529.171.036)
Giảm khác	-	-	-	495.196.819	-	-	495.196.819
Số dư cuối năm nay	**35.345.600.000**	-	**490.825.697**	**(2.033.974.217)**	-	**24.662.678.697**	**58.465.130.177**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

15. *Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn pháp định		*Vốn pháp định đã góp*	*Vốn pháp định chưa góp*
	Số tiền theo giấy ĐKKD	*Tỷ lệ sở hữu (%)*		
Phía Việt Nam	22.971.760.000	64,99%	22.971.760.000	-
Nguyễn Khánh Trình	*22.198.780.000*		*22.198.780.000*	-
Dư Khắc Châu	*772.980.000*		*772.980.000*	-
Phía nước ngoài	12.373.840.000	35,01%	12.373.840.000	-
CyberAgent Ventures Inc.	*531.050.000*		*531.050.000*	-
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE. LTD	*11.842.790.000*		*11.842.790.000*	-
Cộng	**35.345.600.000**	**100%**	**35.345.600.000**	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2017	**Năm 2016**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*5.599.990.000*	*5.599.990.000*
+ Vốn góp tăng trong năm	*29.745.610.000*	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	*35.345.600.000*	*5.599.990.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu:

	31/12/2017	**01/01/2017**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.534.560	559.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.534.560	559.999
+ Cổ phiếu phổ thông	*3.534.560*	*559.999*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.534.560	559.999
+ Cổ phiếu phổ thông	*3.534.560*	*559.999*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

16. *Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất*

Ngoại tệ

Chi tiết các loại ngoại tệ

Ngoại tệ	**31/12/2017**	**01/01/2017**
USD	300.224,00	154.786,71

17. *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

	Ông Nguyễn Khánh Trình	*Cộng*
Vào ngày 31/12/2017		
Vốn điều lệ	176.385.000	176.385.000
Lợi nhuận chưa phân phối	314.440.697	314.440.697
	490.825.697	**490.825.697**
Phần lãi (lỗ) trong LN sau khi hợp nhất trong năm	(14.970.643)	(14.970.643)
	(14.970.643)	**(14.970.643)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

18. *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**246.545.424.510**	**212.041.385.750**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hoá	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*246.545.424.510*	*212.041.385.750*
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Doanh thu khác	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	**246.545.424.510**	**212.041.385.750**
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	*246.545.424.510*	*212.041.385.750*
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
Doanh thu thuần khác	-	-

19. *Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp*

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	205.770.239.515	192.313.035.878
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	-
Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá vốn khác	-	-
Cộng	**205.770.239.515**	**192.313.035.878**

20. *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	174.631.033	7.925.225
Lãi đầu tư Trái phiếu	775.671.489	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	453.209.420	232.862.596
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	**1.403.511.941**	**240.787.821**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

21. *Chi phí tài chính*

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	-	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	199.396.904
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.232.433	272.464.498
Cộng	**9.232.433**	**471.861.402**

22. *Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*

	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	*4.486.704.398*	*2.121.856.621*
- Chi phí đồ dùng văn phòng	*582.009.342*	-
- Chi phí khấu hao	*813.973.247*	*755.888.633*
- Thuế, phí, lệ phí	*122.683.236*	*143.700.336*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*2.017.672.336*	*1.750.858.744*
- Chi phí khác bằng tiền	*88.062.722*	*1.389.909.024*
Cộng	**8.111.105.281**	**6.162.213.358**
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	*11.513.728.574*	*6.175.240.836*
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Chi phí thuế, thuê đất	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*1.815.892.939*	*321.128.414*
- Chi phí khác bằng tiền	*136.619.005*	-
Cộng	**13.466.240.518**	**6.496.369.250**

23. *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

23.1 *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.538.430.501	1.298.830.320
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	**4.538.430.501**	**1.298.830.320**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

24. *Thu nhập khác và chi phí khác*

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập khác	**2.814.952**	**141.134.506**
- Xử lý công nợ phải thu, phải trả	2.814.952	91.127.588
- Các khoản khác	-	50.006.918
Chi phí khác	**162.879.252**	**1.131.240.596**
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	414.435.519
- Xử lý công nợ phải thu, phải trả	48.049	55.445.160
- Các khoản bị phạt, truy thu thuế	124.449.625	74.446.182
- Các khoản khác	38.381.578	586.913.735
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	**(160.064.300)**	**(990.106.090)**

25. *Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố*

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	680.941.160	3.391.276.108
Chi phí nhân công	24.560.027.927	13.130.716.256
Chi phí khấu hao TSCĐ	813.973.247	755.888.633
Thuế, phí và lệ phí	285.845.834	191.440.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.782.115.419	187.495.361.129
Chi phí khác bằng tiền	224.681.727	6.935.458
Cộng	**227.347.585.314**	**204.971.618.486**

26. *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	2017	2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.899.982.764	4.549.757.273
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	15.899.982.764	4.549.757.273
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.241.179	559.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4.905,62**	**8.124,58**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	559.999	559.999
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	2.681.180	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.241.179	559.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. *Thông tin về các bên có liên quan*

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2017, các bên được nhận biết là bên liên quan đến công ty là Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh (Công ty liên kết), Công ty cổ phần kho ứng dụng thông minh (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần Sói biển trung thực (Công ty cùng CSH), Công ty CleverAds Philippines Corporation (Công ty cùng CSH), ông Nguyễn Khánh Trình (Chủ tịch HĐQT) và các cổ đông góp vốn trong Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2017*	*Năm 2016*
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	Trả nợ vay	2.653.480.000	119.726.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	Chuyển vay thành vốn	23.320.190.000	-
		Phải trả do mua lại khoản đầu tư vào công ty con	1.965.125.000	-
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Trả nợ vay	741.250.000	-
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Chuyển vay thành vốn	758.750.000	-

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2017*	*Năm 2016*
Phải trả người bán				
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	Công ty liên kết	Mua dịch vụ quảng cáo	440.277.446	926.896.600
	Công ty liên kết	Trả tiền hàng	-	2.091.000.000
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Công ty cùng CSH	Mua dịch vụ quảng cáo	394.357.909	478.635.545
	Công ty cùng CSH	Trả tiền hàng	110.292.800	1.080.137.500
Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	Chi phí mua thực phẩm	332.223.930	-
	Công ty cùng CSH	Trả tiền mua thực phẩm	184.207.000	-
Phải thu khách hàng				
Công ty CleverAds Philippines Corporation	Công ty cùng CSH	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	15.456.759.236	-
	Công ty cùng CSH	Thu tiền hàng	17.002.435.160	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. *Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)*

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	*Mối quan hệ*	*31/12/2017*	*01/01/2017*
I. Trả trước cho người bán		**-**	***875.806.090***
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	Công ty liên kết	-	484.305.190
Công ty cổ phần kho ứng dụng thông minh (CNSG)	Công ty cùng CSH	-	391.500.900
II. Phải trả người bán		***148.016.930***	***68.000.000***
Công ty cổ phần kho ứng dụng thông minh (CNĐN)	Công ty cùng CSH	-	68.000.000
Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	148.016.930	-
III. Vay ngắn hạn		**-**	***27.473.670.000***
1. Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	-	25.973.670.000
2. Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	-	1.500.000.000
IV. Phải trả khác		***1.965.125.000***	**-**
1. Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	1.965.125.000	-

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá dịch vụ, hàng hoá với các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. *Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ*

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. *Thông tin so sánh*

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN THỊ HỒI	NGUYỄN KHÁNH TRÌNH
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**